TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **817**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân phú, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 656/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phan Ngọc T., sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Mai Thị Thanh H., sinh năm 1982;
Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc T. và bà Mai Thị Thanh H. tự nguyện chung sống vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A., quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 180/KH/2001, quyển số 01/2001, ngày 15/11/2001.

Thời gian đầu ông T. và bà H. chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn trong công việc làm ăn và tính tình, lối sống không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra gây gỗ, cãi vả về chi tiêu, tiền bạc, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông T. và bà H. đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Ông T. và và Hiền không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó ông T. và bà H. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T. và bà H. có 03 (ba) con chung là Phan Ngọc Bảo T2., sinh ngày 27/8/2002; Phan Ngọc Bảo T3., sinh ngày 01/10/2004; Phan Ngọc Bảo Th., sinh ngày 27/11/2008. Đối với con chung Phan Ngọc Bảo T2., sinh ngày 27/8/2002 đã

trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận ông Phan Ngọc T. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Phan Ngọc Bảo T3., sinh ngày 01/10/2004 và Phan Ngọc Bảo Th., sinh ngày 27/11/2008. Bà Mai Thị Thanh H. không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông T. và bà H. tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông T. và bà H. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc T. và bà Mai Thị Thanh H. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Phan Ngọc T. và bà Mai Thị Thanh H. , theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 180/KH/2001, quyển số 01/2001, ngày 15/11/2001 của Ủy ban nhân dân Phường A., quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông T. và bà H. có 03 (ba) con chung là Phan Ngọc Bảo T2., sinh ngày 27/8/2002; Phan Ngọc Bảo T3., sinh ngày 01/10/2004; Phan Ngọc Bảo Th., sinh ngày 27/11/2008. Đối với con chung Phan Ngọc Bảo T2., sinh ngày 27/8/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, ông Phan Ngọc T. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Phan Ngọc Bảo T3., sinh ngày 01/10/2004 và Phan Ngọc Bảo Th., sinh ngày 27/11/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Mai Thị Thanh H. do ông Phan Ngọc T. không yêu cầu.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông T. và bà H. tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông T. và bà H. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông T. và bà H. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông T. và bà H. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0070810 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T. và bà H. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài